

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**
Số: 53 /2014/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Quảng Trị, ngày 30 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng
kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 26/12/2002;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công; Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18/02/2014 của liên Bộ Tài chính, Bộ Công Thương hướng dẫn trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 221/2012/TTLT-BTC-BCT ngày 24/12/2012 của liên Bộ Tài chính, Bộ Công Thương hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện Chiến lược sản xuất sạch hơn trong công nghiệp đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2014/NQ-HĐND ngày 25/7/2014 của HĐND tỉnh về chính sách khuyến công trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 1127/TTr-SCT ngày 08/12/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 10/2010/QĐ-UBND ngày 05/5/2010 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với Chương trình khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Công Thương, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã, Giám đốc Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến Thương mại và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *Phó*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Tin học tỉnh (công báo);
- Các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN(P-02b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Chính

QUY CHẾ

Quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 53 /2014/QĐ-UBND
ngày 20 / 12 /2014 của UBND tỉnh Quảng Trị)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công của địa phương để hỗ trợ, khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề tiểu thủ công nghiệp và áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (sau đây gọi chung là hoạt động khuyến công).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh, bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn, viết tắt CNNT).

2. Các cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn.

3. Các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế hoạt động dịch vụ khuyến công.

Điều 3. Ngành nghề được hỗ trợ kinh phí khuyến công

1. Công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản và chế biến thực phẩm.

2. Sản xuất hàng công nghiệp phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu, hàng thay thế hàng nhập khẩu.

3. Công nghiệp hoá chất phục vụ nông nghiệp, nông thôn. Sản xuất vật liệu xây dựng (trừ sản xuất gạch đất sét nung).

4. Sản xuất sản phẩm, phụ tùng, linh kiện; lắp ráp và sửa chữa máy móc, thiết bị, dụng cụ cơ khí, điện, điện tử - tin học. Sản xuất, gia công chi tiết, bán thành phẩm và công nghiệp hỗ trợ.

5. Sản xuất hàng tiểu thủ công nghiệp.

6. Áp dụng sản xuất sạch hơn trong các cơ sở sản xuất công nghiệp.

Điều 4. Điều kiện được hưởng chính sách khuyến công

Để được hưởng chính sách khuyến công, các tổ chức, cá nhân cần phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Có đối tượng đúng theo quy định tại Điều 2, ngành nghề phù hợp với danh mục quy định tại Điều 3 và nội dung đề nghị hỗ trợ theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này.

2. Nội dung đăng ký hỗ trợ khuyến công chưa được hỗ trợ từ các nguồn kinh phí khác của Nhà nước.

3. Thực hiện đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

4. Có đề án khuyến công theo quy định và cam kết đảm bảo kinh phí đối ứng để triển khai thực hiện đề án.

Điều 5. Nguyên tắc ưu tiên

1. Địa bàn ưu tiên

- Các địa bàn được ưu tiên theo thứ tự: huyện đảo Côn Cỏ, huyện Đakrông và Hương Hóa (nhóm 1); Các huyện: Gio Linh, Vĩnh Linh, Cam Lộ, Triệu Phong và Hải Lăng (nhóm 2); thị xã Quảng Trị và thành phố Đông Hà (nhóm 3).

- Các xã điểm trong kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của tỉnh.

2. Ngành nghề ưu tiên

- Sản xuất các sản phẩm trong danh mục sản phẩm công nghiệp chủ lực, công nghiệp trọng điểm của tỉnh được phê duyệt, các sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp tỉnh được bình chọn, các sản phẩm đã có hợp đồng xuất khẩu hoặc sản xuất sản phẩm phục vụ xuất khẩu.

- Sản xuất sản phẩm sử dụng nguyên vật liệu tại chỗ (nguyên vật liệu chính để sản xuất được thu mua trên địa bàn tỉnh chiếm trên 50% giá trị nguyên vật liệu sử dụng).

- Công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản; công nghiệp cơ khí, hoá chất phục vụ nông nghiệp, nông thôn; công nghiệp hỗ trợ.

3. Các lĩnh vực ưu tiên khác

- Các đề án đầu tư phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp thuộc các chương trình, quy hoạch, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Các đề án sử dụng từ 20 lao động trở lên đối với thành phố Đông Hà, thị xã Quảng Trị; 10 lao động trở lên đối với huyện Đảo Côn Cỏ và 15 lao động trở lên đối với các huyện còn lại. Trường hợp sử dụng lao động là người khuyết tật thì 01 người khuyết tật được tính bằng 02 người bình thường.

- Áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp và di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường vào khu, cụm công nghiệp.

4. Nguyên tắc xét ưu tiên

Khi thẩm định các đề án khuyến công, tùy theo cân đối kinh phí sự nghiệp khuyến công phân bổ hàng năm, Hội đồng thẩm định xem xét ưu tiên như sau:

- Về địa bàn: Đối với các đề án có đối tượng, nội dung xin hỗ trợ, quy mô tương tự nhau thì xét chọn theo thứ tự các nhóm tại khoản 1 Điều này; nếu nằm trong cùng một nhóm ưu tiên thì xem xét thêm các nội dung ưu tiên khác.

- Về ngành nghề và các lĩnh vực ưu tiên khác: Ưu tiên lần lượt theo thứ tự liệt kê của các ngành nghề, lĩnh vực tại khoản 2 và 3 Điều này.

- Đối với các đề án hỗ trợ sản xuất sạch hơn trong công nghiệp không quy định thứ tự ưu tiên về địa bàn và ngành nghề mà xét trên hiệu quả và sự cấp thiết của đề án do cơ quan quản lý chương trình xem xét, quyết định.

Chương II

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG KINH PHÍ KHUYẾN CÔNG

Điều 6. Nội dung và mức chi hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh

1. Hỗ trợ khởi sự, thành lập và nâng cao năng lực cơ sở công nghiệp nông thôn

a) Hỗ trợ tư vấn lập dự án đầu tư, thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp tại các địa bàn có điều kiện kinh tế khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật. Mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/doanh nghiệp.

b) Hỗ trợ thuê tư vấn quản lý sản xuất - tài chính - kế toán - nhân lực - marketing; tư vấn công nghệ - thiết bị mới; tư vấn, hướng dẫn về chính sách đất đai, chính sách ưu đãi đầu tư, khoa học công nghệ, tài chính - tín dụng và các chính sách ưu đãi khác của Nhà nước. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 35 triệu đồng/cơ sở.

c) Tổ chức các lớp đào tạo khởi sự, quản trị doanh nghiệp. Mức chi áp dụng theo Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách Nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.

d) Hỗ trợ để thành lập hội, hiệp hội ngành nghề cấp tỉnh. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí thành lập, nhưng không quá 30 triệu đồng/hội, chi hội và 50 triệu đồng/hiệp hội.

e) Hỗ trợ để hình thành cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 50 triệu đồng/cụm liên kết.

2. Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến và phát triển sản phẩm mới

a) Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật đối với các cơ sở CNNT ứng dụng công nghệ, thiết bị tiên tiến, hiện đại vào sản xuất hay sản xuất sản phẩm mới nhằm nhân rộng mô hình. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí nhưng không quá 300 triệu đồng/mô hình. Đối với đề án khuyến công cấp tỉnh là công nghệ, sản phẩm chưa có cơ sở nào áp dụng hoặc sản xuất trên địa bàn cấp huyện,

còn khuyến công cấp huyện chưa có cơ sở nào áp dụng hoặc sản xuất trên địa bàn cấp xã.

b) Hỗ trợ các cơ sở CNNT nhận chuyển giao công nghệ, kỹ thuật sản xuất tiên tiến; đổi mới, ứng dụng máy móc, thiết bị hiện đại vào sản xuất nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, hiệu quả sản xuất, tiết kiệm nguyên vật liệu, giảm thiểu ô nhiễm môi trường hoặc tạo ra sản phẩm mới so với máy móc thiết bị cơ sở CNNT đang sử dụng. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 200 triệu đồng/cơ sở.

c) Hỗ trợ đối với các cơ sở CNNT đang hoạt động có hiệu quả cần phổ biến tuyên truyền, nhân rộng để các tổ chức cá nhân khác học tập. Mức hỗ trợ không quá 80 triệu đồng/mô hình.

3. Hỗ trợ đào tạo lao động gắn với việc sử dụng lao động sau đào tạo (số lượng lao động tối thiểu của mỗi đề án: 20 lao động đối với thành phố Đông Hà và thị xã Quảng Trị; 10 lao động đối với huyện Đào Cồn Cỏ và 15 lao động đối với các huyện còn lại. Trường hợp lao động là người khuyết tật thì 01 người được tính bằng 02 người. Việc đào tạo lao động được thực hiện theo hình thức đào tạo nghề ngắn hạn, gắn lý thuyết với thực hành và được hỗ trợ tối đa 06 tháng/khóa đào tạo:

a) Đào tạo nghề tại các cơ sở CNNT. Mức hỗ trợ tối đa 500.000 đồng/người/tháng;

b) Đào tạo theo hình thức gửi lao động đi đào tạo tại các tỉnh, thành trong nước. Mức hỗ trợ tối đa 800.000 đồng/người/tháng;

c) Đối với các nghề nhân mở các lớp dạy nghề, truyền nghề cho lao động địa phương. Mức hỗ trợ tối đa 300.000 đồng/người/tháng và không quá 1.000.000 đồng/ người/khóa đào tạo.

Đối với các ngành nghề trong danh mục nghề sơ cấp và dạy nghề của tỉnh thì áp dụng mức chi đã được UBND tỉnh quy định.

4. Hỗ trợ các nội dung về áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp:

a) Hỗ trợ tư vấn, đánh giá sản xuất sạch hơn và áp dụng kỹ thuật sản xuất sạch hơn cho các cơ sở sản xuất công nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 35 triệu đồng/cơ sở;

b) Áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 250 triệu đồng/cơ sở;

c) Tổ chức tập huấn, hội thảo, tuyên truyền, phát hành các tài liệu, tờ rơi, ấn phẩm nhằm nâng cao nhận thức và năng lực ứng dụng sản xuất sạch hơn cho các cơ sở sản xuất công nghiệp. Mức chi thực hiện theo Thông tư liên tịch số 221/2012/TTLT-BTC-BCT ngày 24/12/2012 của liên Bộ Tài chính - Bộ Công Thương hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện chiến lược sản xuất sạch hơn trong công nghiệp đến năm 2020 và chế độ tài chính hiện hành.

5. Hỗ trợ các cơ sở CNNT tư vấn thiết kế mẫu mã, bao bì, nhãn hiệu; xây dựng, đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển nhãn hiệu, thương hiệu hàng hoá, kiểu dáng công nghiệp sản phẩm. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 35 triệu đồng/nhãn hiệu, thương hiệu hoặc kiểu dáng công nghiệp.

6. Hỗ trợ về thị trường, tiêu thụ sản phẩm và bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu:

a) Các đơn vị dịch vụ khuyến công tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm cho các cơ sở CNNT tại trong và ngoài nước. Hỗ trợ tối đa 100% các khoản chi phí bao gồm: Thuê mặt bằng, thiết kế, dàn dựng gian hàng, vận chuyển, trình diễn sản phẩm, chi phí cho cán bộ tổ chức chương trình, thuê khoán khác phục vụ tại hội chợ. Các khoản chi phí trên được xác định trên cơ sở giá đấu thầu hoặc trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Các cơ sở CNNT tham gia hội chợ, triển lãm khác trong nước được hỗ trợ tối đa 80% chi phí thuê gian hàng và 50% chi phí vận chuyển hàng hóa tham gia hội chợ;

c) Hỗ trợ các cơ sở CNNT, các tổ chức dịch vụ khuyến công đầu tư các phòng trưng bày, giới thiệu quảng bá sản phẩm, xúc tiến thương mại hàng thủ công mỹ nghệ truyền thống, sản phẩm CNNT gắn với du lịch và các trung tâm thương mại. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí nhưng không quá 30 triệu đồng/đề án;

d) Chi tổ chức bình chọn, trao giải và giải thưởng sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp tỉnh không quá 80 triệu đồng/đợt bình chọn; Chi thưởng cho sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp tỉnh với mức tối đa 5 triệu đồng/sản phẩm;

7. Hỗ trợ phát triển cụm công nghiệp, điểm công nghiệp - làng nghề, di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường và xử lý ô nhiễm môi trường:

a) Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết các cụm công nghiệp, điểm công nghiệp - làng nghề. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí, nhưng không quá 400 triệu đồng/cụm công nghiệp và không quá 200 triệu đồng/điểm công nghiệp - làng nghề;

b) Hỗ trợ tư vấn thiết kế kỹ thuật, lãi suất vốn vay cho các cơ sở CNNT gây ô nhiễm môi trường trong khu dân cư di dời vào các khu, cụm công nghiệp, điểm công nghiệp - làng nghề. Mức hỗ trợ tối đa 50% lãi suất cho các khoản vay để đầu tư nhà, xưởng, máy móc thiết bị trong 02 năm đầu nhưng không quá 200 triệu đồng/cơ sở. Việc hỗ trợ lãi suất áp dụng đối với các khoản vay trung hạn và dài hạn bằng đồng Việt Nam trả nợ trước hoặc trong hạn. Với mức lãi suất cho vay thấp nhất trong khung lãi suất áp dụng cho các khoản vốn đầu tư phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ hạn và cùng thời kỳ của Ngân hàng Đầu tư Việt Nam.

Nếu cơ sở CNNT không sử dụng nguồn vốn vay để thực hiện di dời thì mức hỗ trợ tối đa 7% kinh phí để đầu tư nhà, xưởng, máy móc thiết bị nhưng không quá 150 triệu đồng/cơ sở.

c) Hỗ trợ xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý chất thải, xử lý ô nhiễm môi trường tại cơ sở CNNT. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí, nhưng không quá 100 triệu đồng/cơ sở.

8. Chi quản lý chương trình, đề án khuyến công và nâng cao năng lực tổ chức thực hiện các hoạt động khuyến công

a) Quản lý, xây dựng chương trình, đề án:

- Chi xây dựng chương trình, đề án; kiểm tra, giám sát, nghiệm thu các đề án khuyến công: Chi công tác phí, xăng dầu, thuê xe đi kiểm tra; chi thẩm định xét chọn, nghiệm thu chương trình, đề án khuyến công; chi khác. Mức chi không quá 1,5% kinh phí sự nghiệp khuyến công được cấp có thẩm quyền giao hàng năm;

- Chi quản lý của đơn vị thực hiện đề án khuyến công: chi công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, chi khác. Mức chi không quá 2,5% dự toán đề án khuyến công.

b) Chi xây dựng các chương trình, tài liệu và tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác khuyến công. Mức chi áp dụng theo Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách Nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức;

c) Chi tổ chức các đoàn khảo sát, học tập kinh nghiệm trong nước về hoạt động khuyến công (số lượng tham gia đoàn, nội dung và chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt); tổ chức các hội thảo chuyên đề, hội nghị đánh giá, tổng kết hoạt động khuyến công; xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin, ấn phẩm, tờ rơi, tờ gấp; trang thông tin điện tử, cơ sở dữ liệu về hoạt động khuyến công và ngành công thương; đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh và cán bộ khuyến công cấp huyện. Mức chi thực hiện theo khoản 1 Điều 6 Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT. Nội dung và kinh phí thực hiện do cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt trên cơ sở đề án, dự toán cụ thể và các quy định hiện hành.

9. Chi công tác khen thưởng trong hoạt động khuyến công áp dụng theo Quyết định số 27/2013/QĐ-UBND ngày 29/10/2013 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Quy chế Thi đua, Khen thưởng.

Điều 7. Mức chi hoạt động khuyến công cấp huyện

Căn cứ nội dung chi quy định tại Điều 6 của Quy chế này, tùy theo tính chất, quy mô hoạt động và khả năng cân đối ngân sách hàng năm, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã (UBND cấp huyện) xem xét hỗ trợ khuyến công phù hợp với ngân sách địa phương, hiệu quả từng đề án mang lại.

Điều 8. Nguồn kinh phí bảo đảm hoạt động khuyến công

1. Ngân sách tỉnh bảo đảm kinh phí cho các hoạt động khuyến công cấp tỉnh do UBND tỉnh quản lý, tổ chức thực hiện. Kinh phí khuyến công tỉnh được

cấp vào kinh phí hoạt động hàng năm của Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến Thương mại tỉnh (Trung tâm Khuyến công và XTTM).

2. Ngân sách cấp huyện bảo đảm kinh phí cho các hoạt động khuyến công địa phương do UBND cấp huyện quản lý, tổ chức thực hiện. Kinh phí khuyến công cấp huyện được cấp vào kinh phí hoạt động hàng năm của Phòng Kinh tế thành phố, thị xã hoặc Phòng Kinh tế - Hạ tầng các huyện (sau đây gọi là Phòng Kinh tế cấp huyện).

3. Ngoài các nguồn kinh phí nêu trên, UBND các cấp, Sở Công Thương, Trung tâm Khuyến công và XTTM có trách nhiệm huy động các nguồn tài chính hợp pháp khác, lồng ghép các dự án thuộc các chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác để thực hiện tốt mục tiêu của khuyến công.

Điều 9. Nguyên tắc sử dụng kinh phí khuyến công

1. Kinh phí khuyến công các cấp bảo đảm chi cho những hoạt động khuyến công do UBND cùng cấp quản lý và tổ chức thực hiện phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn và các quy hoạch ngành liên quan.

2. Các đề án, nhiệm vụ khuyến công thực hiện theo phương thức xét chọn hoặc đấu thầu tuân theo các quy định hiện hành.

Điều 10. Trình tự xây dựng kế hoạch, đăng ký, tổ chức thực hiện các đề án khuyến công

1. Đối với khuyến công tỉnh:

a) Đăng ký kế hoạch khuyến công: Hàng năm, Trung tâm Khuyến công và XTTM phối hợp Phòng Kinh tế cấp huyện và Hội Nông dân, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Liên minh Hợp tác xã và DNNQD... khảo sát nhu cầu đầu tư, phát triển sản xuất của các cơ sở sản xuất công nghiệp để đề xuất các nội dung khuyến công và gửi đăng ký về Trung tâm Khuyến công và XTTM trước ngày 31/8 để tổng hợp trình Sở Công Thương đăng ký kế hoạch khuyến công năm sau.

b) Phê duyệt nguồn vốn khuyến công: Trên cơ sở các nội dung đăng ký, Sở Tài chính tổ chức thảo luận với Sở Công Thương trình UBND tỉnh phê duyệt dự toán sự nghiệp khuyến công năm sau.

c) Lập, hoàn chỉnh đề án khuyến công: Trung tâm Khuyến công và XTTM phối hợp với các đơn vị, Phòng Kinh tế cấp huyện kiểm tra thực tế tại các cơ sở đăng ký khuyến công, hướng dẫn lập đề án đối với các đơn vị đáp ứng các quy định gửi về Trung tâm Khuyến công và XTTM để tổng hợp trình Sở Công Thương tổ chức thẩm định.

d) Thẩm định đề án khuyến công: Trên cơ sở các đề án trình thẩm định, Sở Công Thương phối hợp Sở Tài chính tổ chức kiểm tra thực tế (nếu thấy cần thiết) và lập Hội đồng thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt.

đ) Tổ chức thực hiện: Sau khi có quyết định phê duyệt hỗ trợ, Trung tâm Khuyến công và XTTM tổ chức ký hợp đồng với các đơn vị thụ hưởng và hướng dẫn triển khai, kiểm tra việc thực hiện.

e) Nghiệm thu, quyết toán, thanh lý hợp đồng

- Khi đề án đã hoàn thành các nội dung của hợp đồng đã ký kết, đơn vị thụ hưởng lập báo cáo quyết toán theo quy định gửi về Trung tâm Khuyến công và XTTM. Hồ sơ quyết toán gồm: Văn bản đề nghị phê duyệt quyết toán; Báo cáo kết quả sử dụng kinh phí khuyến công; Bảng kê chi tiết quyết toán kinh phí khuyến công; Hợp đồng, hóa đơn, chứng từ thu, chi tài chính liên quan đến đề án theo quy định pháp luật.

- Trung tâm Khuyến công và XTTM tổ chức đoàn nghiệm thu, gồm: đại diện Sở Công Thương, Trung tâm Khuyến công và XTTM, Phòng Kinh tế cấp huyện và các đơn vị phối hợp (nếu có).

- Các đề án đã được nghiệm thu, Trung tâm Khuyến công và XTTM tiến hành thanh lý hợp đồng và thanh toán kinh phí khuyến công cho đơn vị thụ hưởng theo đúng quy định.

2. Đối với khuyến công cấp huyện:

a) Đăng ký kế hoạch khuyến công: Hàng năm, Phòng Kinh tế cấp huyện phối hợp với UBND các xã, phường, thị trấn khảo sát nhu cầu đầu tư, phát triển sản xuất của các cơ sở sản xuất công nghiệp để đề xuất các nội dung khuyến công và gửi về Phòng Kinh tế cấp huyện trước ngày 31/8 để tổng hợp.

b) Phê duyệt nguồn vốn khuyến công: Trên cơ sở các nội dung đăng ký hỗ trợ, Phòng Kinh tế/Kinh tế - Hạ tầng tổng hợp gửi Phòng Kế hoạch - Tài chính cùng cấp xem xét trình UBND cấp huyện phân bổ dự toán sự nghiệp khuyến công năm sau. Đối với các nội dung đăng ký có tính chất, quy mô khá, phù hợp với kinh phí khuyến công tỉnh, khuyến công quốc gia gửi Trung tâm Khuyến công và XTTM để tổng hợp nhu cầu.

c) Lập, hoàn chỉnh đề án khuyến công: Phòng Kinh tế/Kinh tế - Hạ tầng có trách nhiệm hướng dẫn các cơ sở CNNT lập đề án.

d) Thẩm định đề án khuyến công: Trên cơ sở các đề án xin hỗ trợ, Phòng Kinh tế/Kinh tế - Hạ tầng chủ trì phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch tổ chức thẩm định, trình UBND huyện xem xét, phê duyệt hỗ trợ.

đ) Tổ chức thực hiện: Sau khi có quyết định phê duyệt hỗ trợ, Phòng Kinh tế cấp huyện tổ chức ký hợp đồng với các đơn vị thụ hưởng và hướng dẫn triển khai, kiểm tra việc thực hiện.

e) Nghiệm thu, quyết toán, thanh lý hợp đồng

- Khi đề án đã hoàn thành các nội dung của hợp đồng đã ký kết, đơn vị thụ hưởng lập báo cáo quyết toán theo quy định gửi về Phòng Kinh tế cấp huyện. Hồ sơ quyết toán quy định tại điểm e khoản 1 Điều này.

- Phòng Kinh tế cấp huyện phối hợp với Phòng Tài chính cùng cấp và các đơn vị liên quan (nếu có) tổ chức nghiệm thu đối với từng đề án. Các đề án đã được nghiệm thu, Phòng Kinh tế cấp huyện tiến hành thanh lý hợp đồng và thanh toán kinh phí khuyến công cho đơn vị thụ hưởng theo đúng quy định.

Điều 11. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí khuyến công

1. Tờ trình đề nghị hỗ trợ kinh phí khuyến công, trong đó có cam kết chưa được Nhà nước hỗ trợ bất kỳ kinh phí nào cho nội dung đăng ký khuyến công được Phòng Kinh tế cấp huyện xác nhận;

2. Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

3. Đề án khuyến công và các giấy tờ liên quan.

Điều 12. Lập, chấp hành và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước

1. Lập và phân bổ dự toán

Hàng năm, căn cứ vào chính sách khuyến công trên địa bàn tỉnh; chương trình, kế hoạch khuyến công được cấp có thẩm quyền phê duyệt và mức chi do UBND tỉnh quy định, Trung tâm Khuyến công và XTTM lập dự toán kinh phí khuyến công gửi Sở Tài chính (đối với khuyến công cấp huyện, Phòng Kinh tế cấp huyện lập dự toán kinh phí khuyến công gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch cùng cấp) để tổng hợp vào dự toán ngân sách trình cơ quan có thẩm quyền theo quy định hiện hành.

2. Chấp hành dự toán

a) Căn cứ vào dự toán chi ngân sách nhà nước của đơn vị được cấp có thẩm quyền giao, các đơn vị thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch.

b) Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát, thanh toán cho từng nhiệm vụ, theo hướng dẫn chế độ quản lý, cấp phát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước.

3. Công tác hạch toán, quyết toán

Trung tâm Khuyến công và XTTM chịu trách nhiệm quyết toán kinh phí khuyến công với Sở Tài chính. Phòng Kinh tế cấp huyện chịu trách nhiệm quyết toán kinh phí khuyến công với Phòng Tài chính - Kế hoạch cùng cấp theo quy định hiện hành.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị liên quan hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

- Hướng dẫn, quy định nội dung đề án và các giấy tờ liên quan đến từng dạng đề án.

- Phối hợp với cơ quan liên quan kiểm tra định kỳ, đột xuất; giám sát đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu của các đề án, chương trình bảo đảm việc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

2. Trách nhiệm của Sở Tài chính: Cân đối nguồn vốn khuyến công trong dự toán ngân sách hàng năm trình UBND tỉnh, HĐND xem xét, quyết định; Thực hiện thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công theo quy định.

3. Các Sở, Ban, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình, phối hợp, tuyên truyền, lồng ghép các chương trình với hoạt động khuyến công để phát huy tối đa hiệu quả khuyến khích phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề trên địa bàn tỉnh.

4. UBND cấp huyện chịu trách nhiệm tổ chức hoạt động khuyến công trên địa bàn và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ khuyến công hàng năm về Sở Công Thương (qua Trung tâm Khuyến công và XTTM) để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Công Thương.

5. Trách nhiệm của Trung tâm Khuyến công và XTTM

- Xây dựng kế hoạch, dự toán khuyến công hàng năm và bổ sung (nếu có).

- Phối hợp với Phòng Kinh tế cấp huyện tổ chức tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm và khen thưởng cho các tổ chức và cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động khuyến công.

- Tham mưu Sở Công Thương ban hành các văn bản hướng dẫn hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh.

- Hướng dẫn, kiểm tra, xem xét hồ sơ đề nghị hỗ trợ đúng quy định, đúng mục đích và đúng đối tượng; đề nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định hỗ trợ.

- Kiểm tra, đôn đốc, theo dõi các tổ chức, cá nhân được hỗ trợ vốn, sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả. Kịp thời phát hiện, xử lý các vi phạm; trường hợp vượt thẩm quyền thì báo cáo lên cấp trên hoặc cơ quan chức năng xem xét giải quyết.

- Mở sổ sách kế toán, hạch toán đầy đủ các khoản thu, chi và bảo quản chứng từ theo đúng quy định của Nhà nước. Định kỳ báo cáo tình hình sử dụng kinh phí, cuối năm lập báo cáo quyết toán theo quy định hiện hành.

6. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân được hỗ trợ nguồn vốn khuyến công

- Thực hiện đúng các nội dung đã được phê duyệt hỗ trợ; sử dụng kinh phí đúng theo quy định hiện hành, đảm bảo đúng mục đích có hiệu quả;

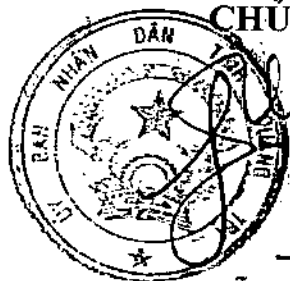
- Tạo điều kiện thuận lợi để các cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, đánh giá, giám sát, nghiệm thu đề án khuyến công;

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm pháp lý về các thông tin đã cung cấp, có trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, tài liệu trong quá trình xây dựng, thực hiện đề án.

7. Các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định của Quy chế này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, các ngành, các cấp, các tổ chức và cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Công Thương để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, sửa đổi cho phù hợp. /.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



(Handwritten signature)

Nguyễn Đức Chính